

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Về yêu cầu báo giá Hoá chất và vật tư xét nghiệm lần 5 năm 2026
tại Bệnh viện Quân y 103**

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp Hoá chất xét nghiệm

Trước hết Bệnh viện Quân y 103 xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp, hợp tác của các đơn vị, nhà cung cấp với Bệnh viện trong suốt thời gian qua.

Hiện nay, Bệnh viện có nhu cầu Mua sắm Hoá chất và vật tư xét nghiệm lần 5 năm 2026 tại Bệnh viện Quân y 103. Để có cơ sở lập dự toán, kế hoạch mua sắm, Bệnh viện kính mời các đơn vị có khả năng cung cấp Hoá chất và vật tư xét nghiệm theo các thông tin sau:

1. Danh mục hàng hoá:

Danh mục số 01: Hóa chất và vật tư xét nghiệm sử dụng trên Hệ thống máy của bệnh viện tại khoa Giải phẫu bệnh.

(chi tiết tại Phụ lục I.1 đính kèm)

Danh mục số 02: Hóa chất và vật tư xét nghiệm sử dụng tại khoa Giải phẫu bệnh

(chi tiết tại Phụ lục I.2 đính kèm)

2. Nội dung báo giá

(chi tiết tại Phụ lục II đính kèm)

3. Thời gian nhận báo giá: Bắt đầu kể từ ngày ra thông báo đến hết ngày 14/5/2026 (hoặc khi nhận đủ báo giá theo quy định).

4. Phương thức báo giá: Bệnh viện Quân y 103 tiếp nhận báo giá đồng thời theo 02 hình thức:

- Nhận trực tiếp tại: Phòng thâu Khoa Dược (TH2.145 tầng hầm B2), Bệnh viện Quân y 103. Số 261, đường Phùng Hưng, phường Hà Đông, TP Hà Nội.

- Nhận qua mail: khoaduocbvqy103@gmail.com (Bản scan có dấu đỏ và file excel)

5. Các thông tin khác

Thành phần hồ sơ báo giá:

- Báo giá: Theo mẫu đính kèm

- Giá báo giá đã bao gồm chi phí giao hàng, thuế VAT và các loại phí, thuế khác theo quy định hiện hành.

- Kết quả trúng thầu tại cơ sở y tế khác nếu có (QĐTT bản cứng có đóng dấu giáp lai của công ty và bản scan gửi cùng báo giá qua mail).

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KD.



GIÁM ĐỐC

Thiếu tướng Lường Công Thức

Phụ lục LI

DANH MỤC SỐ 01: HÓA CHẤT VÀ VẬT TƯ XÉT NGHIỆM SỬ DỤNG TRÊN HỆ THỐNG MÁY CỦA BỆNH VIỆN TẠI KHOA GIẢI PHẪU BỆNH

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 4/5/2026 của Bệnh viện Quân y 103)

STT	Tên hàng hóa mới thêm	Yêu cầu kỹ thuật	BVT	Số lượng	Ghi chú
1	Gel cất lạnh	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Chuyên dùng trong xét nghiệm sinh thiết tức thì bằng cất lạnh Làm lạnh nhanh, liên kết chắc chắn với mô Lọ ≥ 100ml Tương thích với máy cất lạnh Leica DM 1950 của Bệnh viện	Lọ	45	
2	Bộ kit vận hành máy giải trình tự gen	Số lượng chu kỳ: ≥ 300 Bộ kit bao gồm: ≥ 4.5ml dung dịch đệm pha loãng thư viện, 01 khay đựng sẵn hóa chất cho giải trình tự, ≥ 500ml dung dịch SBS (giải trình tự bằng tổng hợp), 01 ống tế bào dòng chảy Tương thích với máy NGS MiseqDx của Bệnh viện	bộ	12	
3	Bộ kit chuẩn bị thư viện công suất cao phân tích đột biến gen BRCA1/2 ung thư vú từ máu toàn phần hoặc mô FFPE bằng NGS	Dành cho phân tích gen BRCA1/2 sử dụng công nghệ giải trình tự gen thế hệ mới NGS nhằm phân tích hệ DNA genome được tách chiết từ mẫu máu hoặc mẫu đúc mô FFPE. Kích thước gen bao phủ: 22.4 kb. Thời gian chuẩn bị: ≤ 5 giờ. Loại biến dị: SNV, small INDEL. Có phần mềm phân tích chuyên dụng đi kèm Hộp ≥ 24 test. Tương thích với máy NGS MiseqDx của Bệnh viện	Hộp	3	
4	Bộ kit chuẩn bị thư viện phân tích 84 gen DNA ung thư mô đặc bằng NGS từ mẫu đúc mô FFPE	Hóa chất chuẩn bị thư viện dành cho phân tích 84 gen liên quan tới các loại ung thư mô đặc, sử dụng công nghệ giải trình tự gen thế hệ mới NGS nhằm phân tích hệ DNA genome được tách chiết từ mẫu mô (tỉ lệ khối u >20%). Kích thước gen đích: 270 kb. Loại biến dị: SNV, CNV, INDEL. Có phần mềm phân tích chuyên dụng đi kèm Hộp ≥ 48 test. Tương thích với máy NGS MiseqDx của Bệnh viện	Hộp	2	
5	Bộ kit chuẩn bị thư viện phân tích 108 gen DNA ung thư máu bằng NGS từ mẫu máu, mẫu tủy xương, mẫu hạch bạch huyết	Hóa chất chuẩn bị thư viện dành cho phân tích 108 gen liên quan tới các loại ung thư máu, sử dụng công nghệ giải trình tự gen thế hệ mới NGS nhằm phân tích hệ DNA genome được tách chiết từ mẫu máu. Kích thước gen đích: 305 kb. Loại biến dị: SNV, INDEL. Có phần mềm phân tích chuyên dụng đi kèm Hộp ≥ 48 test. Tương thích với máy NGS MiseqDx của Bệnh viện	Hộp	2	
6	Bộ kit chuẩn bị thư viện dành cho phân tích 482 đột biến soma thuộc 13 gen liên quan tới các ung thư phổi không tế bào nhỏ hoặc ung thư đại trực tràng	Hóa chất chuẩn bị thư viện dành cho phân tích 482 đột biến soma thuộc 13 gen liên quan tới các ung thư phổi không tế bào nhỏ hoặc ung thư đại trực tràng (EGFR, KRAS, BRAF, PIK3CA, NRAS, HER2, MET, AKT1, c-KIT, PDGFRA, ALK, RET, ROS1) sử dụng công nghệ giải trình tự gen thế hệ mới NGS. - Mẫu đầu vào: máu ngoại vi hoặc mẫu mô bệnh phẩm FFPE - Thời gian chuẩn bị: ≤ 3,5h - Độ nhạy cao: 0,1% - Độ sâu phân tích: từ 5,000X-20,000X Bộ kit ≥ 16 test. Tương thích với máy NGS MiseqDx của Bệnh viện	Bộ	3	
7	Bộ kit phát hiện 100 gen bằng công nghệ giải trình tự	Bộ xét nghiệm soma nhằm sàng lọc 99 gen để xác định đột biến soma trong DNA bao gồm ABL1, ATRX, BRAF, CSF1R, ERCC1, GNA, KRAS, MRE11, NTRK1, PYCARD, SETBP1, AKT, AURK, BRCA, CTNNB1, ESR1, HNF1A, LRP1B, MSH2, PALB2, RAD50, SF3B1, ALK, BAP1, BRIP1, DAPK1, EWSR1, IDH1, LZTR1, MTOR, PI3KC, RAD51, SLX4, APC, BARD1, CALR, DDR2, EZH2, IGF1R, MAP3K1, MUTYH, PMS2, RASSF1, SMAD4, ARID1, BCL2, CCND, EGFR, FBXW7, ITK, MDM2, NBN, POLD1, RB1, SMO, ASXL1, BCOR, CDH1, EIF1AX, FGF, JAK, MET, NF1, PRSS1, RET, SRC, ATM, BCR, CDK, EP300, FGFR, KDR, MGMT, NFE2L2, PTCH1, ROS1, SRSF2, ATR, BLM, CDKN2A, EPCAM, FLI1, KIT, MLH1, NOTCH, PTEN, RUNX, STAG2, ATRIP, BMPRIA, CHEK2, EPHB4, FLT3, KMT2, MPL, NPM1, PTPN11, SEMA3B, STK1. - Bộ xét nghiệm đột biến gen liên quan đến nhiều loại ung thư như ung thư vú, ung thư buồng trứng, ung thư đại trực tràng, ... - Nguồn mẫu: FFPE, mô tươi, máu. - Kích thước gen: 96kb - Nồng độ DNA đầu vào: >50ng - Mục tiêu gen: Khoảng 99 gen trải trên vùng khoảng 0.5Mb - Dạng đột biến: SNV, Indel, CNV, Rearrangement - Tương thích với máy giải trình tự Illumina® MiSeqDx - Tiêu chuẩn: ISO 13485 và CE-IVD - Hộp ≥ 24 test Tương thích với máy NGS MiseqDx của Bệnh viện	Hộp	3	
8	Kit tách chiết DNA từ máu	Kit tách chiết DNA từ máu - Sử dụng công nghệ hạt từ, có thể tự động hóa. - Có tính năng sử dụng với máy quét barcode - Loại mẫu: mẫu máu toàn phần, buffy coat và bạch cầu - Mẫu đầu vào tối đa: 400ul - phù hợp với nhiều ứng dụng chẩn đoán và nghiên cứu: xét nghiệm giải trình tự, xác định kiểu gen, qPCR, ddPCR và NGS - Cung cấp bao gồm: Cartridge hóa chất, đầu tip, Barcode sticker, ống đựng mẫu loại 2 ml, ống thu mẫu 1.5ml. Bộ kit ≥ 48 test. Tương thích với máy MagPurix 12 EVO của Bệnh viện	Bộ	3	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	BVT	Số lượng	Ghi chú
9	Kit tách nucleic acid từ mẫu mô cố định bằng formalin	<p>Kit tách nucleic acid từ mẫu mô cố định bằng formalin và vùi paraffin (FFPE) và mẫu sinh thiết kim trên hệ thống máy tách tự động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ hạt từ, có thể tự động hóa. - Có tính năng sử dụng với máy quét barcode - Loại mẫu chính: mẫu mô FFPE và mẫu sinh thiết - Ứng dụng: xét nghiệm giải trình tự, xác định kiểu gen, qPCR, ddPCR và NGS - Cung cấp bao gồm: Hóa chất, đầu tip, Barcode sticker, ống đựng mẫu loại 2 ml, ống thu mẫu 1.5ml - Đạt tiêu chuẩn CE-IVD - Thể tích mẫu đầu vào: 1-5 lát cắt (5-10 µm)/3-10 sinh thiết - Thể tích thu hồi: 50-200 µl <p>Bộ kit ≥ 48 test. Tương thích với máy MagPurix 12 EVO của Bệnh viện</p>	Bộ	11	
10	Kit tách cfDNA	<p>Kit tách cfDNA từ các mẫu không có tế bào, chẳng hạn như huyết tương hoặc từ một nhóm dịch cơ thể không có tế bào trên hệ thống máy tách tự động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp bao gồm khay 10 giếng chứa sẵn hóa chất và vật tư tiêu hao - Thành phần khay hóa chất: đệm rửa, đệm thu hồi - Loại mẫu chính: huyết tương hoặc từ một nhóm dịch cơ thể không có tế bào - Thể tích mẫu đầu vào: 2-5ml - Thể tích thu hồi: 50-200 µl <p>Bộ kit ≥ 48 test. Tương thích với máy MagPurix 12 EVO của Bệnh viện</p>	Bộ	5	
11	Kit tách RNA	<p>Kit tách RNA tổng số từ mẫu toàn phần của động vật có vú, mô người và động vật, tế bào nuôi cấy, mô thực vật và nấm men trên hệ thống máy tách tự động</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp bao gồm khay 10 giếng chứa sẵn hóa chất và vật tư tiêu hao - Thành phần khay hóa chất: đệm ly giải, đệm liên kết, hạt từ, đệm rửa, nước - Loại mẫu chính: mẫu toàn phần của động vật có vú, mô người và động vật, tế bào nuôi cấy, mô thực vật và nấm men - Thể tích mẫu đầu vào: 200-400 µl - Thể tích thu hồi: 50-300 µl - Chứng chỉ: CE-IVD. <p>Bộ kit ≥ 48 test. Tương thích với máy MagPurix 12 EVO của Bệnh viện</p>	Bộ	3	
12	Kit xét nghiệm đột biến gene ctDNA EGFR	<p>Bộ xét nghiệm IVD định tính các đột biến EGFR exon 18, 19, 20 và 21 trong ctDNA (DNA lưu hành tự do trong huyết tương người) bằng kỹ thuật Real time PCR.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD; phân loại C. - Nguồn mẫu: ctDNA tách chiết từ huyết tương. - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Giới hạn phát hiện (LOD): 10-75 copies (tùy đột biến), 25 copies với đột biến EGFR T790M + Phát hiện 58 đột biến trên gen EGFR: 04 đột biến exon 18 (G719X); 44 đột biến mất đoạn exon19; 08 đột biến exon 20 (trong đó phát hiện T790M, C797S); 02 đột biến exon 21 (L858R, L861Q) + Có chứng nội sinh: beta-2-microglobulin gene (B2M) + Mỗi mẫu chạy 7 phản ứng - Thành phần cung cấp (48 test/bộ): <ul style="list-style-type: none"> + CT Mutation Detection Reaction Mix 1 (2X): 1 x 800 µl; + CT Mutation Detection Reaction Mix 2 (2X): 4 x 1300 µl; + Primer/Probe Mix: 7 x 158 µl; + Positive Control Mix (PC): 1 x 615 µl <p>Bộ kit ≥ 48 test. Tương thích với máy Realtime Thermo Fisher 7500 hoặc máy Realtime Agilent AriaDx của Bệnh viện</p>	Bộ	5	
13	Bộ xét nghiệm IVD định tính đột biến trên các gene AKT1, BRAF V600, PIK3CA, NRAS, KRAS	<p>Bộ xét nghiệm IVD định tính các đột biến KRAS và NRAS exon 2, 3, 4; BRAF exon 15; PIK3CA exon 9, 20; AKT1 exon 4 trong DNA bộ gen người bằng kỹ thuật Real time PCR.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD; phân loại C. - Nguồn mẫu: DNA bộ gene từ mẫu mô tươi/đông lạnh, mô FFPE - Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Giới hạn phát hiện (LOD): 1-10% (tùy đột biến) + Phát hiện 01 đột biến AKT1 exon 4 (codon 17); 04 đột biến BRAF exon 15 (V600); 05 đột biến PIK3CA exon 9 (codon 542, 545) và exon 20 (codon 1047); 14 đột biến NRAS và 26 đột biến KRAS ở các exon 2 (codon 12, 13), exon 3 (codon 59, 61) và exon 4 (codon 117, 146). + Kit có chứng nội sinh + Mỗi mẫu chạy 6 phản ứng - Thành phần cung cấp (48 test/bộ): <ul style="list-style-type: none"> + Mutation Detection Reaction Mix (2X): 4 x 1300 µl; + CRC Primer/Probe Mix: 6 x 330 µl; + CRC Positive Control Mix: 1 x 350 µl. <p>Bộ kit ≥ 48 test. Tương thích với máy Realtime Thermo Fisher 7500 hoặc máy Realtime Agilent AriaDx của Bệnh viện</p>	Bộ	3	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
14	Bộ xét nghiệm phát hiện đột biến gene EGFR	<p>Phát hiện được tối thiểu 86 đột biến trên exon 18, 19, 20, 21 của gen EGFR từ mẫu DNA tách chiết. Mỗi phản ứng có bao gồm gen nội kiểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại mẫu: DNA tách từ mẫu mô (tươi, đông lạnh, cố định bằng paraffin (FFPE)) hoặc huyết tương. - Giới hạn phát hiện (LoD95) ở nồng độ DNA đầu vào trung bình (12.5ng/ phản ứng): G719x: 5% T790M: 1% S768I: 0.5% ex20ins: 7% L858R: 1% L861Q: 1% ex19del: 0.5% - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: CE-IVD - Cung cấp bao gồm: Hóa chất tách chiết mô cho DNA, Hóa chất chạy realtime PCR. <p>Bộ kit ≥ 48 test. Tương thích với máy Realtime Thermo Fisher 7500 hoặc máy Realtime Agilent AriaDx của Bệnh viện</p>	Bộ	8	
15	Bộ xét nghiệm dung hợp tổ hợp gen ALK/ROS1/RET/MET	<p>Phát hiện được các vị trí chuyển đoạn trên nhiễm sắc thể chính có liên quan đến ALK, ROS1, RET, MET thiếu exon 14 và gen nội kiểm (endogenous control gene) trong mỗi phản ứng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc thử dạng đông khô, được phân phối ở dạng dải 8 giếng chứa hỗn hợp khuếch đại hoàn thiện, sẵn sàng để sử dụng. - Độ nhạy: 2.5 ng/ phản ứng - Loại mẫu: RNA tách từ mô tươi, đông lạnh, cố định bằng paraffin (FFPE) và các mẫu tế bào học. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: CE-IVD <p>Bộ kit ≥ 48 test. Tương thích với máy Realtime Thermo Fisher 7500 hoặc máy Realtime Agilent AriaDx của Bệnh viện</p>	Bộ	3	
16	Bộ xét nghiệm phát hiện đột biến gene BRAF và gen nội kiểm	<p>Phát hiện các đột biến chính trên codon 600 của gen BRAF. Mỗi phản ứng có bao gồm gen nội kiểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới hạn phát hiện (LoD95) ở nồng độ DNA đầu vào trung bình (12.5ng/ phản ứng): V600E/Ec: 0.5% V600K: 1% V600D/R: 1% - Loại mẫu: DNA tách từ mẫu mô (tươi, đông lạnh, cố định bằng paraffin (FFPE)) hoặc huyết tương. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: CE-IVD - Cung cấp bao gồm: Hóa chất tách chiết DNA từ mẫu cố định paraffin FFPE, Hóa chất chạy realtime PCR <p>Bộ kit ≥ 48 test. Tương thích với máy Realtime Thermo Fisher 7500 hoặc máy Realtime Agilent AriaDx của Bệnh viện</p>	Bộ	3	
17	Bộ xét nghiệm phát hiện đột biến gene KRAS và gen nội kiểm	<p>Phát hiện các đột biến chính trên exon 2 (Codon 12, 13), Exon 3 (codon 59,61), và exon 4 (Codon 117, 146) của gen KRAS. Mỗi phản ứng có bao gồm gen nội kiểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuốc thử định dạng đông khô. - Giới hạn phát hiện (LoD95) ở nồng độ DNA đầu vào trung bình (12.5 ng/phản ứng): G12C: 1% G12x : ≤5% G13D: 2% A59x: 5% Q61x: 1% K117x: 10% A146x: 2% - Loại mẫu: Mô tươi, đông lạnh, FFPE và huyết tương - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: CE-IVD - Cung cấp bao gồm: Hóa chất tách chiết mô cho DNA, Hóa chất chạy realtime PCR <p>Bộ kit ≥ 48 test. Tương thích với máy Realtime Thermo Fisher 7500 hoặc máy Realtime Agilent AriaDx của Bệnh viện</p>	Bộ	5	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	BVT	Số lượng	Ghi chú
18	Bộ xét nghiệm phát hiện đột biến gene NRAS	Phát hiện đột biến trên exon 2 (codon 12, 13), exon 3 (codon 59, 61) và exon 4 (codon 117, 146) của gen NRAS và gen nội kiểm (endogenous control gene) trong mỗi phân ứng. - Thuộc thủ định dạng đóng gói. - Độ nhạy ở nồng độ DNA đầu vào trung bình (12.5ng/ phân ứng): G12x-G13x: 7% A59x-Q61H: 1% Q61K: 0.5% Q61R: 0.5% Q61L: 0.5% K117x: 2% A146x: 5% - Loại mẫu: DNA tách từ mẫu mô (tươi, đông lạnh, cố định bằng paraffin (FFPE)) hoặc huyết tương. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: CE-IVD - Cung cấp bao gồm: Hóa chất tách chiết mô cho DNA, Hóa chất chạy realtime PCR Bộ kit ≥ 48 test. Tương thích với máy Realtime Thermo Fisher 7500 hoặc máy Realtime Agilent AriaDx của Bệnh viện	Bộ	5	
19	Bộ xét nghiệm phát hiện đột biến gene ALK và gen nội kiểm	Phát hiện các vị trí dịch mã bất thường trên nhiễm sắc thể liên quan đến ALK và gen nội kiểm (endogenous control gene) trong mỗi ống phân ứng. - Loại mẫu: Mô tươi, đông lạnh, hoặc cố định bằng paraffin (FFPE) - Thời gian thực hiện: ≤ 2 giờ - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: CE-IVD Bộ kit ≥ 24 test. Tương thích với máy Realtime Thermo Fisher 7500 hoặc máy Realtime Agilent AriaDx của Bệnh viện	Bộ	5	
20	Bộ kit phát hiện đột biến gen BRAF ở người	Đạt tiêu chuẩn CE-IVD. - Mẫu bệnh phẩm: dịch tách chiết DNA từ mẫu mô sinh thiết - Phát hiện được ≥ 9 đột biến thường gặp trên gen BRAF bằng kỹ thuật lai đầu dò phân tử StripAssay. Gồm các dung dịch cho phản ứng PCR, dung dịch đệm rửa, que lai phân tử, dung dịch phát triển màu - Xét nghiệm có nội kiểm riêng cho từng mẫu bệnh phẩm. Bộ kit ≥ 20 test. Tương thích với máy PCR VeritiPro/ PCR Mastercyclermix ussx1 tại Bệnh viện	Bộ	5	
21	Bộ kit phát hiện đột biến gen EGFR ở người	Đạt tiêu chuẩn CE-IVD. - Mẫu bệnh phẩm: dịch tách chiết DNA từ mẫu mô sinh thiết - Phát hiện được ≥ 30 đột biến thường gặp trên gen EGFR bằng kỹ thuật lai đầu dò phân tử StripAssay. Gồm các dung dịch cho phản ứng PCR, dung dịch đệm rửa, que lai phân tử, dung dịch phát triển màu - Xét nghiệm có nội kiểm riêng cho từng mẫu bệnh phẩm. Bộ kit ≥ 20 test. Tương thích với máy PCR VeritiPro/ PCR Mastercyclermix ussx1 tại Bệnh viện	Bộ	8	
22	Bộ kit phát hiện đột biến gen KRAS ở người	Đạt tiêu chuẩn CE-IVD. - Mẫu bệnh phẩm: dịch tách chiết DNA từ mẫu mô sinh thiết - Phát hiện được ≥ 9 đột biến thường gặp trên gen KRAS ở người bằng kỹ thuật lai đầu dò phân tử StripAssay. Gồm các dung dịch cho phản ứng PCR, dung dịch đệm rửa, que lai phân tử, dung dịch phát triển màu - Xét nghiệm có nội kiểm riêng cho từng mẫu bệnh phẩm. Bộ kit ≥ 20 test. Tương thích với máy PCR VeritiPro/ PCR Mastercyclermix ussx1 tại Bệnh viện	Bộ	8	
23	Bộ kit phát hiện đột biến gen NRAS ở người	Đạt tiêu chuẩn CE-IVD. - Mẫu bệnh phẩm: dịch tách chiết DNA từ mẫu mô sinh thiết - Phát hiện được ≥ 22 đột biến thường gặp trên gen NRAS ở người bằng kỹ thuật lai đầu dò phân tử StripAssay. Gồm các dung dịch cho phản ứng PCR, dung dịch đệm rửa, que lai phân tử, dung dịch phát triển màu - Xét nghiệm có nội kiểm riêng cho từng mẫu bệnh phẩm. Bộ kit ≥ 20 test. Tương thích với máy PCR VeritiPro/ PCR Mastercyclermix ussx1 tại Bệnh viện	Bộ	8	
24	Kit xét nghiệm phát hiện đa hình gen DPYD	Đạt tiêu chuẩn CE-IVD. Phát hiện được các đột biến thường gặp trên gen DPYD bằng kỹ thuật lai đầu dò phân tử. Gồm các dung dịch cho phản ứng PCR, dung dịch đệm rửa, que lai phân tử, dung dịch phát triển màu Bộ kit ≥ 20 test. Tương thích với máy PCR VeritiPro/ PCR Mastercyclermix ussx1 tại Bệnh viện	Bộ	8	
25	Kit định lượng nồng độ DNA sợi đôi bằng huỳnh quang	Gồm dung dịch làm việc, dung dịch chuẩn. Bộ kit ≥ 100 phản ứng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Sử dụng phù hợp với máy Qubit4 Bộ ≥ 100 test Tương thích với máy đo Qubit 4 của Bệnh viện	Bộ	5	
26	Hóa chất chạy máy S1	Thời gian phân tích là 2-5 phút Độ phân giải tốt nhất là 1-4bp nếu kích thước mẫu nhỏ hơn 500bp. Kết quả có độ phân giải cao Điện áp 2-10kV Phạm vi phân tích đến 5.000bp và giới hạn phát hiện khoảng 0,1 ng/ μ l ở nồng độ thấp. Hộp ≥ 1 cái Tương thích với máy điện di mao quản máy Bioptic của Bệnh viện	Hộp	2	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
27	Hoá chất chạy máy S3	Dùng phân tích DNA cỡ lớn trong kiểm soát chất lượng giải trình tự thế hệ thứ hai và thứ ba. Phạm vi kích thước: 5-165kb Cung cấp Số chất lượng DNA (DQN) để tham chiếu tính toán vẹn của gDNA. Hộp mực có thể được bảo quản ở nhiệt độ 4-27°C Hộp ≥ 1 cái Tương thích với máy điện di mao quản máy Bioptic của Bệnh viện	Hộp	2	
28	Thang chuẩn định vị 20bp-1kb	Sử dụng với các cartridge DNA Qsep Dài kích thước từ 20 bp đến 1000 bp. Lọ ≥ 500 µl Tương thích với máy điện di mao quản máy Bioptic của Bệnh viện	Lọ	3	
29	0.1ml tube (4-strip)	Tube thân trong Tube có tường mỏng để truyền nhiệt tốt nhất làm từ USP VI polypropylen không có DNase, RNase, DNA, chất ức chế PCR, ATP, endotoxin. Tất cả các sản phẩm đã sẵn sàng để sử dụng trong qPCR Tốc độ bay hơi dưới 5%, tiết kiệm thuốc thử Gói nhỏ có thể tránh được sự ô nhiễm của các thí nghiệm khác Tất cả đều chứa tube và nắp. Hộp ≥ 20strip Tương thích với máy điện di mao quản máy Bioptic của Bệnh viện	Hộp	8	
30	Bộ xét nghiệm Human Papilloma Virus (HPV)	Bộ Kit phát hiện 25 tuýp HPV nguy cơ cao từ mẫu phết cổ tử cung: type 16, 18, 31, 59, 6, 53, 61, 33, 35, 39, 45, 51, 52, 56, 58, 66, 68, 11, 40, 43, 44), 54, 70, 73, 81 - Bộ kit sử dụng được trên nhiều máy realtime PCR khác nhau: Thermo Fisher, Rotor Gene, CFX96™ Dx,... - Không có phản ứng chéo với các tác nhân vi sinh vật khác nhau gồm HPV các type, Adenovirus, E.Coli, Kleb... - Sử dụng được với loại các mẫu xét nghiệm tế bào dạng lỏng ThinPrep và SurePath - Có chứng nội β-globin ngăn ngừa tình trạng âm tính giả và chứa Uracil-DNA Glycosylase (UDG) chống nhiễm - Độ nhạy lâm sàng: 90.0%-100%. Độ đặc hiệu lâm sàng: 98.1%-100% - Tiêu chuẩn chất lượng: CE-IVD, ISO 13485 - Bộ ≥ 100 test Tương thích với máy PCR VeritiPro/ PCR Mastercyclerex ussx1 tại Bệnh viện	Bộ	8	
31	Bộ kit chuẩn bị thư viện phân tích 13 gen ung thư	- Hóa chất chuẩn bị thư viện dành cho phân tích 482 đột biến soma thuộc 13 gen liên quan tới các ung thư phổi không tế bào nhỏ hoặc ung thư đại trực tràng (EGFR, KRAS, BRAF, PIK3CA, NRAS, HER2, MET, AKT1, c-KIT, PDGFRA, ALK, RET, ROS1) sử dụng công nghệ giải trình tự gen thế hệ mới NGS. - Mẫu đầu vào: máu ngoại vi hoặc mẫu mô bệnh phẩm FFPE - Sử dụng công nghệ RingCap độc quyền, chuẩn bị thư viện trong 2 bước - Thời gian chuẩn bị: 3,5h - Độ nhạy cao: 0,1% - Độ sâu phân tích: từ 5,000X-20,000X - Bộ ≥ 16 test Tương thích với máy NGS MiseqDx của Bệnh viện	Bộ	5	
32	Thang chuẩn kích thước 15-622bp	Sử dụng với các cartridge DNA Qsep Dài kích thước từ 15 bp đến 622 bp. Lọ ≥ 500 µL Tương thích với máy điện di mao quản máy Bioptic của Bệnh viện	Lọ	2	
33	Thang chuẩn kích thước 500bp-23kb	Sử dụng với các cartridge DNA Qsep Dài kích thước từ 500 bp đến 23kb. Lọ ≥ 500 µL Tương thích với máy điện di mao quản máy Bioptic của Bệnh viện	Lọ	2	
34	Bộ xét nghiệm phát hiện đột biến gene EGFR T790M và C797S	Phát hiện đột biến T790M và C797S (c.2389 T> A, c.2390 G> C) của gen EGFR và gen nội kiểm (endogenous control gene) trong mỗi phản ứng. - Thuốc thử định dạng đồng khối. - Độ nhạy ở nồng độ DNA đầu vào trung bình (12.5ng/ phản ứng): EGFR C797S c.2389: 1% EGFR C797S c.2390: 0.5% EGFR T790M: 1% - Loại mẫu: DNA tách từ mô tươi, đông lạnh, mô cố định bằng paraffin (FFPE) và huyết tương. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: CE-IVD - Cung cấp bao gồm: Hóa chất tách chiết mô cho DNA + Hóa chất chạy realtime PCR - Bộ ≥ 48 test Tương thích với máy Realtime Thermo Fisher 7500 hoặc máy Realtime Agilent AriaDx của Bệnh viện	Bộ kit	5	
Tổng cộng: 34 khoản./.					

Phụ lục I.2
DANH MỤC SỐ 02
HÓA CHẤT VÀ VẬT TƯ XÉT NGHIỆM SỬ DỤNG TẠI KHOA GIẢI PHẪU BỆNH
(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 4 / 5 /2026 của Bệnh viện Quân y 103)

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Acid Chlohydric	Đạt tiêu chuẩn ĐBVNV. Nồng độ từ 36 - 40% Chai ≥ 500ml	Chai	8	
2	Acid Acetic 100%	Acid Acetic đậm đặc, nồng độ 100% Chai ≥ 1L	Chai	3	
3	Acid Formic	Đạt tiêu chuẩn ĐBVNV. Nồng độ từ 88 - 100%. Chai ≥ 500ml	Chai	8	
4	Bộ hóa chất khử nền với mô đúc paraffin	Dung dịch khử paraffin ra khỏi mẫu mô và pha loãng dung dịch rửa. Thành phần: dung dịch tẩy rửa nhẹ và Proclin 300. Tiêu chuẩn ISO Hộp ≥ 2L	hộp	15	
5	Bộ kit nhuộm bạc	Đạt tiêu chuẩn chất lượng 13485 Chuyên dùng cho nhuộm đặc biệt các tiêu bản mô bệnh học, nhuộm sợi võng, sợi nấm theo nguyên lý nhuộm thẩm bạc Gồm các thành phần: Dung dịch Periodic Acid, dung dịch Methenamine, dung dịch bạc nitrate, dung dịch Borax, dung dịch vàng chloride, dung dịch natri thiosulfate, dung dịch nhuộm đỏ nhân Bộ ≥ 100 test	Bộ	15	
6	Bộ kit nhuộm 3 màu trichome	Bộ nhuộm ba màu được thiết kế để sử dụng trong việc hiển thị mô học của các sợi mô liên kết collagen trong các phần mô cố định bằng formalin. Kết quả nhuộm: Collagen: Màu xanh; Sợi cơ: Màu đỏ và nhân: Đen/Xanh Thành phần: Acetic acid; dung dịch Bouin; Hematoxylin A; Hematoxylin B; dung dịch xanh Gomori. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Bộ ≥ 100 test	Bộ	15	
7	Bộ kit nhuộm đỏ congo	Bộ nhuộm amyloid (Congo Red) để sử dụng trong việc quan sát mô học của amyloid trong các phần mô. Kiểm tra dưới kính hiển vi phân cực cho kết quả lưỡng chiết màu xanh lá cây của amyloid. Kết quả nhuộm: Amyloid: Màu đỏ đến hồng; Hồng cầu: Màu cam nhạt; Hạt bạch cầu ái toan: Màu cam đến màu đỏ; Hạt nhân: Màu xanh. Thành phần: dung dịch đỏ Congo, Hematoxylin, dung dịch biệt hóa nhân Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Bộ ≥ 100 test	Bộ	8	
8	Bộ kit nhuộm hoá mô miễn dịch	Chuyên dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch, gồm kháng thể 2 và các hóa chất phát hiện màu. Tương thích với các kháng thể 1 là kháng thể đơn dòng hoặc đa dòng, nguồn gốc từ thỏ/chuột. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Bộ ≥ 200 test	Bộ	225	
9	Dung dịch nhuộm Hematoxylin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Harris Hematoxylin tạo ra khả năng nhuộm nhân nhanh chóng và đặc trưng. - Không chứa thủy ngân - Được sản xuất theo các thông số kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt và thường là các công thức tiêu chuẩn được cải tiến để đạt được hiệu suất và kết quả vượt trội. Chai ≥ 500ml	chai	120	
10	Dung dịch nhuộm Eosin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Eosin Y dạng pha sẵn, chủ yếu được sử dụng trong mô học để nhuộm hematoxylin và eosin thường quy. Eosin Y được lọc trước khi đóng chai và được điều chế để đảm bảo độ đồng nhất. Chai ≥ 500ml	chai	120	
11	Bộ kit nhuộm Papanicolaou	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Chuyên dùng cho nhuộm hiển đồ cổ tử cung và tế bào học khác Thành phần gồm: Dung dịch EA 50; Orange G-6 Bộ ≥ 2 chai; mỗi chai ≥ 1L	Bộ	30	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
12	Bộ kit nhuộm PAS	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Bộ nhuộm Periodic Acid Schiff (PAS) sử dụng chứng minh mô học của tế bào lympho, mucopolysaccharides và phát hiện cấu trúc nấm trong mẫu. Nhuộm các lát cắt từ mẫu đúc nén -Thành phần: Periodic Acid Solution; Schiff Reagent Bộ ≥ 2 chai; mỗi chai ≥ 500ml	Bộ	15	
13	Keo dán lam cho nhuộm huỳnh quang	Thích hợp để gắn các tế bào hoặc các phần mô được nhuộm bằng phương pháp Miễn dịch huỳnh quang hoặc lai tại chỗ gắn huỳnh quang (FISH) - Có chứa DAPI để nhuộm nhuộm DNA và phát huỳnh quang tạo ra ánh sáng màu xanh lam khi soi trên kính hiển vi huỳnh quang. Thành phần: dung dịch đệm, thuốc thử và chất kháng khuẩn natri azide <0.1% Chai ≥100ml	chai	23	
14	Cồn 96 độ	Được đóng gói trong chai kín theo tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất; độ tinh khiết ≥96%.	Lít	1.500	
15	Cồn tuyệt đối	Được đóng gói trong chai kín theo tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất; độ tinh khiết ≥99,5%.	Lít	2.250	
16	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên đệm citrate pH6.0	Là dung dịch bộc lộ kháng nguyên cho mẫu mô đúc trong paraffin, dùng trong quy trình kỹ thuật hóa mô miễn dịch. Giúp khôi phục tính kháng nguyên của protein bị biến đổi trong quá trình cố định formalin của mô; cho phép tăng cường sự thâm nhập của kháng thể và khả năng tiếp cận epitope. Thành phần: Dạng đậm đặc Citrate Buffer pH6 10X, có độ pH 5.9-6.1 ở nhiệt độ 25oC.	lít	45	
17	Dung dịch bộc lộ kháng nguyên đệm EDTA pH9.0	Là dung dịch bộc lộ kháng nguyên cho mẫu mô đúc trong paraffin, dùng trong quy trình kỹ thuật hóa mô miễn dịch. Giúp khôi phục tính kháng nguyên của protein bị biến đổi trong quá trình cố định formalin của mô; cho phép tăng cường sự thâm nhập của kháng thể và khả năng tiếp cận epitope. Thành phần: Dạng đậm đặc EDTA Buffer pH9 10X, có độ pH 8.9-9.1 ở 25oC	lít	75	
18	Dung dịch đệm rửa TBS Tween	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Dung dịch rửa và loại bỏ thuốc thử thừa trong quá trình nhuộm miễn dịch. Được thiết kế đặc biệt để loại bỏ hiệu quả các kháng thể liên kết lỏng lẻo và mang lại màu nền sạch hơn. TBS chứa chất hoạt động bề mặt và cho phép thuốc thử trải đều hơn trên phần mô trên các phiến kính. Thành phần: dạng đậm đặc TBS Tween 10X gồm: Tris-HCl, NaCl, Tween 20.	ml	75.000	
19	Dung dịch Giemsa	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Dùng trong nhuộm tế bào. Loại đậm đặc gồm các thành phần Methanol, Glycerine, Giemsa Stain Chai ≥ 1000ml	Chai	18	
20	Dung dịch khóa protein nền (Protein block)	Sử dụng để chặn hoặc giảm nền liên quan đến kháng thể và/hoặc kháng nguyên/axit nucleic tạo ra nền cao trong các quy trình nhuộm miễn dịch mô hóa học (IHC), CISH/FISH Giảm thiểu các tương tác không đặc hiệu có thể do kháng thể hoặc axit nucleic gây ra và thúc đẩy liên kết kháng nguyên-kháng thể đặc hiệu. Chai ≥100ml	Chai	18	
21	Dung dịch khử canxi	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Dung dịch khử canxi (Decalcifier) dùng để khử canxi kết hợp cố định các bệnh phẩm xương trong giải phẫu bệnh	Lít	8	
22	Dung dịch pha loãng kháng thể	Được sử dụng trong hoá mô miễn dịch. Thuốc thử này ổn định, dạng pha sẵn, được sản xuất đặc biệt để pha loãng kháng thể cô đặc. Thành phần: Đệm Tris, pH: trung tính, chứa sodium azide và protein Lọ ≥ 250 ml	Lọ	30	
23	Formaldehyt (HCHO)	Chuyên dùng trong cố định bệnh phẩm trong giải phẫu bệnh. Dạng lỏng không màu, mùi formalin mạnh, pH trung tính Thành phần Formalin (37-40%) Bảo quản: nhiệt độ phòng Tiêu chuẩn: ISO 13485.	lít	300	
24	Dung dịch Formol đệm trung tính 10%	Formalin đệm Phosphate trung tính 10% dạng pha sẵn trong đó có dung dịch đệm Phosphate được dùng để làm ổn định độ pH trung tính. Dùng để cố định mô/tế bào thủ công trong giải phẫu bệnh. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	3.000	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
25	Keo dán lam kính	Dùng trong giải phẫu bệnh để gắn các mẫu mô được nhuộm trên lam kính. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Màu sắc: trong suốt Độ hòa tan: không hòa tan trong nước, hòa tan trong ether, Xylen, hydrocarbon thơm và Dlimonene Sản phẩm ổn định với ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm và tia UV. Bảo quản: 18-25°C Lọ ≥ 500ml	Lọ	75	
26	Kháng thể IgA-FITC	Kháng thể đa dòng IgA-FITC đậm đặc, từ dê/thỏ được gắn nhãn FITC pha loãng trong dung dịch đệm Tris Saline (pH trung tính), là kháng thể dùng trong nhuộm miễn dịch huỳnh quang trực tiếp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	8	
27	Kháng thể IgG - FITC	Kháng thể đa dòng IgG-FITC đậm đặc, từ dê/thỏ được gắn nhãn FITC pha loãng trong dung dịch đệm Tris Saline (pH trung tính), là kháng thể dùng trong nhuộm miễn dịch huỳnh quang trực tiếp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	8	
28	Kháng thể IgM - FITC	Kháng thể đa dòng IgM - FITC đậm đặc, từ dê/thỏ được gắn nhãn FITC pha loãng trong dung dịch đệm Tris Saline (pH trung tính), là kháng thể dùng trong nhuộm miễn dịch huỳnh quang trực tiếp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	8	
29	Kháng thể C1q - FITC	Kháng thể đa dòng C1q - FITC đậm đặc, từ thỏ được gắn nhãn FITC pha loãng trong dung dịch đệm Tris Saline (pH trung tính) là kháng thể dùng trong nhuộm miễn dịch huỳnh quang trực tiếp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	8	
30	Kháng thể C3c - FITC	Kháng thể đa dòng C3c- FITC đậm đặc, từ thỏ được gắn nhãn FITC pha loãng trong dung dịch đệm Tris Saline (pH trung tính) là kháng thể dùng trong nhuộm miễn dịch huỳnh quang trực tiếp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	8	
31	Kháng thể C4c - FITC	Kháng thể đa dòng C4c - FITC đậm đặc, từ thỏ được gắn nhãn FITC pha loãng trong dung dịch đệm Tris Saline (pH trung tính) là kháng thể dùng trong nhuộm miễn dịch huỳnh quang trực tiếp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	8	
32	Kháng thể Fibrinogen- FITC	Kháng thể đa dòng Fibrinogen - FITC đậm đặc, từ thỏ được gắn nhãn FITC pha loãng trong dung dịch đệm Tris Saline (pH trung tính), là kháng thể dùng trong nhuộm miễn dịch huỳnh quang trực tiếp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	8	
33	Kháng thể Kappa chuỗi nhẹ - FITC	Kháng thể đa dòng Kappa - FITC đậm đặc, từ thỏ được gắn nhãn FITC pha loãng trong dung dịch đệm Tris Saline (pH trung tính), là kháng thể dùng trong nhuộm miễn dịch huỳnh quang trực tiếp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	3	
34	Kháng thể Lambda chuỗi nhẹ - FITC	Kháng thể đa dòng Lambda - FITC đậm đặc, từ thỏ được gắn nhãn FITC pha loãng trong dung dịch đệm Tris Saline (pH 7,2), là kháng thể dùng trong nhuộm miễn dịch huỳnh quang trực tiếp. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	ml	3	
35	Kháng thể AFP	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Kháng thể đơn dòng Alpha-Fetoprotein được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
36	Kháng thể ALK	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng ALK-1/CD246 pha loãng, từ thỏ có nguồn gốc từ dịch nuôi cấy tế bào. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
37	Kháng thể AMACR	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Kháng thể đơn dòng AMACR/p504S được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
38	Kháng thể Amyloid A	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Amyloid A được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
39	Kháng thể Amyloid Beta	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Amyloid Beta được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
40	Kháng thể Arginase - 1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng ARG-1 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	42	
41	Kháng thể ATRX	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đa dòng ATRX được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
42	Kháng thể Bcl-2	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Bcl-2 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
43	Kháng thể Bcl-6	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Bcl-6 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
44	Kháng thể BerEP4	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng BerEP4/Ep-CAM được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
45	Kháng thể Beta catenin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Beta Catenin được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
46	Kháng thể C4d	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đa dòng C4d được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
47	Kháng thể CA-125	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CA125 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
48	Kháng thể Calcitonin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Calcitonin được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
49	Kháng thể Caldesmon	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Caldesmon được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
50	Kháng thể Calretinin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Calretinin được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
51	Kháng thể CAM 5.2	Kháng thể đơn dòng Cytokeratin (CAM5.2) được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
52	Kháng thể CD10	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD10 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
53	Kháng thể CD117	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Kháng thể đơn dòng CD117/C-KIT được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
54	Kháng thể CD138	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD138 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
55	Kháng thể CD15	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD15 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
56	Kháng thể CD1a	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD1a được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
57	Kháng thể CD2	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD2 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
58	Kháng thể CD20	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD20 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	
59	Kháng thể CD21	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD21 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
60	Kháng thể CD23	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD23 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
61	Kháng thể CD3	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD3 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	
62	Kháng thể CD30	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể CD30 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
63	Kháng thể CD31	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD31/PECAM-1 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
64	Kháng thể CD34	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD34 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	
65	Kháng thể CD38	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD38 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
66	Kháng thể CD4	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD4 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
67	Kháng thể CD43	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD43 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
68	Kháng thể CD45 RO	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD45RO được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
69	Kháng thể CD5	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD5 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
70	Kháng thể CD56	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD56/NCAM-1 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	
71	Kháng thể CD68	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD68 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
72	Kháng thể CD7	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD7 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
73	Kháng thể CD79a	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD79a/MB-1 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	
74	Kháng thể CD8	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD8 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
75	Kháng thể CD99	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD99 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
76	Kháng thể CD163	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CD163 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
77	Kháng thể CDK4	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Cdk4 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
78	Kháng thể CDX-2	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CDX-2 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	154	
79	Kháng thể Chromogranin A	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Chromogranin A được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
80	Kháng thể CK14	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Cytokeratin 14 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
81	Kháng thể CK18	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Cytokeratin 18 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
82	Kháng thể CK19	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng CK19 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
83	Kháng thể CK20	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Keratin CK20 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
84	Kháng thể CK34betaE12	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Cytokeratin34betaE12 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
85	Kháng thể CK5/6	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Cytokeratin 5/6 được tinh chế từ huyết thanh chó/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	84	
86	Kháng thể CK7	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Keratin CK7 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	126	
87	Kháng thể CKAE1/AE3	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Cytokeratin AE1/AE3 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	126	
88	Kháng thể Calponin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Calponin được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
89	Kháng thể CMV	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Cytomegalovirus được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
90	Kháng thể c-Myc	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng c-MYC được tinh chế từ huyết thanh chó/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
91	Kháng thể Cyclin D1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Cyclin D1 được tinh chế từ huyết thanh chó/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
92	Kháng thể D2-40	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Podoplanin D2-40 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
93	Kháng thể Desmin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Desmin được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
94	Kháng thể DOG1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng DOG-1 được tinh chế từ huyết thanh chó/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
95	Kháng thể đa dòng CEA	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đa dòng Carcinoembryonic Antigen (CEAp) được tinh chế từ huyết thanh chó/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
96	Kháng thể đơn dòng CEA	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Carcinoembryonic Antigen (CEAm) được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
97	Kháng thể E-Cadherin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng E-cadherin được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
98	Kháng thể EGFR	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Epidermal Growth Factor Receptor (EGFR) được tinh chế từ huyết thanh chó/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	
99	Kháng thể EMA	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Epithelial MembraneAntigen (EMA) được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
100	Kháng thể ER	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng estrogen receptor (ER) được tinh chế từ huyết thanh chó/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	154	
101	Kháng thể ERG	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng ERG được tinh chế từ huyết thanh chó/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
102	Kháng thể Factor XIII	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Factor XIIIa được tinh chế từ huyết thanh chó/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
103	Kháng thể FLI1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng FLI1 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
104	Kháng thể FOXL2	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng FOXL2 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
105	Kháng thể Galectin 3	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Galectin 3 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
106	Kháng thể GATA3	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng GATA-3 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
107	Kháng thể GCDFFP-15	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng GCDFFP-15 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
108	Kháng thể GFAP	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng GFAP được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
109	Kháng thể Glypican 3	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Glypican 3 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
110	Kháng thể HBME - 1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng HBME 1 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
111	Kháng thể Heppar 1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Hepatocyte Specific Antigen (HepPar 1) được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
112	Kháng thể Her2/neu	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng C-erbB-2/HER2/NEU được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	
113	Kháng thể HMB45	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng HMB45 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
114	Kháng thể HPV 16/18	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Human Papilloma Virus Type 16 (HPV 16) được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	42	
115	Kháng thể HSP70	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Heat Shock Protein 70 (HSP70) được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
116	Kháng thể H3K27me3	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Tri-Methyl - Histone H3 (Lys27)/H3K (H3K27me3) được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch hai bước.	ml	28	
117	Kháng thể IDH1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Anti-Isocitrate Dehydrogenase 1 (IDH1) - R132H. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
118	Kháng thể IgG4	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng IgG4 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
119	Kháng thể IMP3	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng IMP3 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
120	Kháng thể Ki67	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Ki 67. được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	210	
121	Kháng thể LCA	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Leukocyte Common Antigen (LCA) được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	
122	Kháng thể MDM2	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng chuột MDM2 tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
123	Kháng thể Melan A	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Melan A được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
124	Kháng thể Mesothelin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng thỏ Mesothelin tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
125	Kháng thể MLH1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng chuột MLH1 tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	154	
126	Kháng thể MOC31	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng EpCAM Epithelial Specific Antigen (MOC-31) pha loãng tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
127	Kháng thể MSH2	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng MSH2 tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	154	
128	Kháng thể MSH6	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng MSH6 tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	154	
129	Kháng thể Muc2	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Muc2 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
130	Kháng thể Muc4	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Muc4 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
131	Kháng thể MUC5AC	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng MUC5AC được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
132	Kháng thể MUC6	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng MUC6 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
133	Kháng thể NUTM1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng NUTM1 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
134	Kháng thể P-cadherin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng P-cadherin được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
135	Kháng thể MUM 1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng MUM1/IRF4 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
136	Kháng thể MYOD1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng MyoD1 tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
137	Kháng thể Myogenin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Myogenin (EP162) được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
138	Kháng thể Napsin A	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Napsin A được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	154	
139	Kháng thể NSE	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đa dòng Neuron Specific Enolase (NSE) được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
140	Kháng thể OCT 3/4	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng OCT3/4 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
141	Kháng thể Olig 2	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Olig 2 Protein được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
142	Kháng thể P120 catenin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Delta Catenin-1 (p120) được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
143	Kháng thể P16	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng p16 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	
144	Kháng thể p40	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng p40 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	126	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
145	Kháng thể P53	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng p53 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	84	
146	Kháng thể P63	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng p63 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	126	
147	Kháng thể Pavovirus (B19)	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Parvovirus (B19) được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
148	Kháng thể PAX5	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng PAX-5 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
149	Kháng thể PAX8	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng PAX- 8 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
150	Kháng thể PD-L1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng PDL-1 dòng 22C3 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn hoặc đậm đặc , dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	
151	Kháng thể PLAD	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Placental Alkaline Phosphatase (PLAD) được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
152	Kháng thể PMS2	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng PMS2 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	154	
153	Kháng thể PR	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Progesterone Receptor (PR) được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	
154	Kháng thể PSA	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Prostate-specific antigen (PSA) được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	28	
155	Kháng thể RCC	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng RCC được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
156	Kháng thể S100	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng S100-Beta Protein được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
157	Kháng thể SALL4	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng SALL4 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
158	Kháng thể SATB2	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng SATB 2 từ thỏ được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	
159	Kháng thể SMA	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể SMA được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	49	
160	Kháng thể SMAD4	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng SMAD4 tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
161	Kháng thể SOX11	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng SOX-11 (MD-58) được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
162	Kháng thể SOX10	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng SOX-10 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	42	
163	Kháng thể STAT6	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng STAT 6 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
164	Kháng thể SV40	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng SV40 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	32	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
165	Kháng thể Synaptophysin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Synaptophysin được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	105	
166	Kháng thể TdT	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng TdT được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
167	Kháng thể TFE3	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Transcription Factor E3 (TFE3) được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
168	Kháng thể Thyroglobulin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Thyroglobulin được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
169	Kháng thể TLE1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng TLE1 được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
170	Kháng thể TTF-1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng TTF-1 được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	154	
171	Kháng thể Vimentin	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng Vimentin được tinh chế từ huyết thanh thỏ/chuột. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	21	
172	Kháng thể WT1	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kháng thể đơn dòng WT1(Wilms Tumor) được tinh chế từ huyết thanh chuột/thỏ. Là kháng thể 1 ở dạng pha sẵn, dùng trong nhuộm hóa mô miễn dịch.	ml	70	
173	Lam kính nhuộm hoá mô miễn dịch	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Kích thước : (25-25,5) mm x (75-75,5) mm Được xử lý bằng công nghệ phủ, giúp cho các slide có độ bám dính mạnh và bề mặt ưa nước Có vùng đầu (nhân) mờ trắng, kháng dung môi; - Sử dụng cho nhuộm IHC thủ công, nhuộm IHC tự động và nhuộm H&E các mô cần độ bám dính mạnh. Hộp ≥ 72 cái	Hộp	450	
174	Môi dò gene HER2 và Chromosome 17	Bộ môi dò phát hiện định tính các khuếch đại gen ERBB2/ HER2 và vùng vệ tinh alpha nhiễm sắc thể 17 (CEN 17) ở người trong mẫu mô đúc paraffin bằng phương pháp lai tạo màu tại chỗ (CISH). -Bộ kit nhuộm CISH HER2/CEN17 bao gồm: -Dung dịch đệm EDTA 10X, pH 8,0 -Dung dịch Pepsin tiền xử lý mô (ready-to-use) -Dung dịch chặn Peroxidase nội sinh -Đầu dò lai HER2/CEN17 CISH -Dung dịch rửa sau lai (Post-Hybridization Wash Buffer) -Hỗn hợp kháng thể Anti-DIG/Anti-DNP -Hỗn hợp polymer HRP/AP - Chất phát hiện tín hiệu đỏ Chromogen AP Red - Chất phát hiện tín hiệu xanh Chromogen HRP Green - Hematoxylin đổi màu nhân - Tiêu chuẩn: ISO 13485 Bộ ≥40 Test	Bộ	5	
175	Mực đánh dấu mô màu xanh	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Mực đánh dấu màu xanh dương, đánh dấu bờ mép diện cắt phẫu thuật, đánh dấu định hướng các bệnh phẩm phẫu thuật mà không phai màu, không bị mất màu khi mẫu bệnh phẩm đánh dấu đưa vào các loại hóa chất cố, xylen trong quá trình chuyển đúc và cắt nhuộm Đóng gói dưới dạng chai nhỏ giọt và ở dạng pha sẵn Lọ ≥30ml	lọ	8	
176	Mực đánh dấu mô màu vàng	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Mực đánh dấu màu vàng, đánh dấu bờ mép diện cắt phẫu thuật, đánh dấu định hướng các bệnh phẩm phẫu thuật mà không phai màu, khô nhanh, không bị mất màu khi mẫu bệnh phẩm đánh dấu đưa vào các loại hóa chất cố, xylen trong quá trình chuyển đúc và cắt nhuộm Đóng gói dưới dạng chai nhỏ giọt và ở dạng pha sẵn Lọ ≥30ml	lọ	8	
177	Mực đánh dấu mô màu đen	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Mực đánh dấu màu đen, đánh dấu bờ mép diện cắt phẫu thuật, đánh dấu định hướng các bệnh phẩm phẫu thuật mà không phai màu, khô nhanh, không bị mất màu khi mẫu bệnh phẩm đánh dấu đưa vào các loại hóa chất cố, xylen trong quá trình chuyển đúc và cắt nhuộm Đóng gói dưới dạng chai nhỏ giọt và ở dạng pha sẵn Lọ ≥30ml	lọ	8	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
178	Mực đánh dấu mô màu cam	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Mực đánh dấu màu cam, đánh dấu bờ mép diện cắt phẫu thuật, đánh dấu định hướng các bệnh phẩm phẫu thuật mà không phai màu, khô nhanh, không bị mất màu khi mẫu bệnh phẩm đánh dấu đưa vào các loại hóa chất cồn, xylene, trong quá trình chuyển đúc và cắt nhuộm Đóng gói dưới dạng chai nhỏ giọt và ở dạng pha sẵn Lọ ≥30ml	lọ	8	
179	Mực đánh dấu mô màu đỏ	Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 Mực đánh dấu màu đỏ, đánh dấu bờ mép diện cắt phẫu thuật, đánh dấu định hướng các bệnh phẩm phẫu thuật mà không phai màu, khô nhanh, không bị mất màu khi mẫu bệnh phẩm đánh dấu đưa vào các loại hóa chất cồn, xylene trong quá trình chuyển đúc và cắt nhuộm Đóng gói dưới dạng chai nhỏ giọt và ở dạng pha sẵn Lọ ≥30ml	lọ	8	
180	Cuộn nhãn và băng mực in	Cuộn nhãn và băng mực in nhãn dán lam kính, chống bong tróc Túi (cuộn) ≥2000 nhãn	túi	30	
181	Parafin hạt tinh khiết	Chuyên dùng xử lý mẫu bệnh phẩm trong giải phẫu bệnh. Hỗn hợp parafin tinh khiết (hydrocarbon aliphatic) và phụ gia (0,3%), không chứa DMSO - Hạt rắn, màu trắng, nhiệt độ nóng chảy 56-58 oC	Kg	750	
182	Xylen	Xylen sử dụng trong quy trình xét nghiệm giải phẫu bệnh và tế bào học Chất lỏng trong suốt, Độ tinh khiết (hỗn hợp các đồng phân xylen): tối thiểu 98,5% Đóng gói trong chai làm bằng thủy tinh Tiêu chuẩn ISO13485. Chai ≥ 500ml	lít	750	
183	Bộ kit xét nghiệm sàng lọc ung thư cổ tử cung	Bộ kit được thiết kế tối ưu cho việc thu nhận, xử lý và ổn định tế bào phụ khoa cho mục đích phân tích tế bào học tầm soát ung thư cổ tử cung (phương pháp Pap nhúng dịch) bằng công nghệ LBC màng lọc đôi - Bao gồm: + Dung dịch bảo quản tế bào (≥20 ml/ lọ): Chất lỏng đồng nhất, trong suốt, không màu, Methanol >35%, pH>5 + Cốc lọc đôi: Vết phết lam đường kính 20±2 mm + Lam kính tinh điện: Chất liệu thủy tinh + Chổi thu tế bào: chất liệu PP+ PE - Ổn định và bảo quản tế bào ở điều kiện 15-25 độ trong vòng 1 tháng	Bộ	3.000	
184	Bộ kit xét nghiệm tầm soát ung thư phổi	Bộ kit xét nghiệm sàng lọc ung thư phổi bằng phương pháp nhúng dịch Bộ bao gồm: - 01 Lọ dung dịch ≥ 20ml, bao gồm ethanol ≥ 26%; Vật tư đi kèm bao gồm: + 01 Màng lọc đường kính ≥ 2cm; + 01 Lam kính; - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485;	Bộ	3.750	
185	Dung dịch Cồn tuyệt đối dùng trong sinh học phân tử	- Khối lượng: 46 - 46.5 g/mol - Điểm sôi: 78°C - 78.5°C (1010hPa - 1015hPa) - Tỷ trọng: 0.75g/cm3 - 0.8g/cm3 ở nhiệt độ 20°C - pH: 6.8-7.2 - Áp suất: 57pHa - 57.5pHa - Độ tinh khiết : ≥ 99.9% Chai ≥ 250ml	Chai	3	
186	Dung dịch khử DNA	Loại bỏ DNA và DNase không mong muốn khỏi các dụng cụ thủy tinh và nhựa mà không ảnh hưởng đến các mẫu DNA sau đó. - Phù hợp cho các hộp gel, pipet, mặt bàn, máy chu kỳ nhiệt hoặc các thiết bị khác. - Sử dụng trước khi thực hiện PCR hoặc làm việc với DNA để tạo khu vực làm việc không chứa DNA. - Sẵn sàng sử dụng, Chỉ cần sử dụng trực tiếp lên bề mặt để khử trùng, sau đó lau khô hoặc rửa sạch. Thành phần: Nước >99 %, NA(OH) < 1% Chai ≥ 250ml	Chai	15	
187	Ống ly tâm	Có thể hấp khử trùng - Thể tích 1,5ml - Công nghệ nắp ống mở êm và đóng chặt - Chất liệu: virgin polypropylene - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Túi ≥500 cái	Túi	12	
188	Dài ống PCR nắp phẳng 0.2 ml	Dài ≥ 8 ống 0.2ml dùng cho phản ứng Real-time PCR - Bao gồm các ống 0.2ml kèm nắp phẳng, có đáy hình chóp - Thành ống mỏng, trong suốt - Được làm từ nhựa polypropylene - Không chứa Nuclease - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Hộp ≥125 dài	Hộp	15	

STT	Tên hàng hóa mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
189	Dài ống PCR nắp phẳng 0.1 ml	Chất liệu: polypropylene - Dạng ống 0.1ml thấp giảm không gian chết và tăng hiệu suất PCR - Không chứa DNase, RNase, PCR inhibition Hộp ≥120 dài	Hộp	15	
190	Ống PCR nắp phẳng	Ống PCR 0.2ml nắp phẳng Có thể hấp khử trùng DNase, RNase-free Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương Hộp ≥500 cái	Hộp	15	
191	Ống đo nồng độ DNA	Ống nhựa Polypropylene thành mỏng, độ bám dính thấp - Thể tích ống 0,5ml. - Sử dụng phù hợp với máy đo nucleic acid huỳnh quang Qubit Fluorometer 4 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Túi ≥500 ống	Túi	5	
192	Đầu tip có lọc, chống bám dính, thể tích 10µl	Đầu côn lọc tiết trùng, khớp với pipet có dài thể tích từ 1-10 µL - Đã tiết trùng, không chứa Dnase, Rnase, pyrogen và các chất ức chế PCR - Vật liệu: polyethylen, có bộ lọc kỵ nước chống lây nhiễm chéo - Kích thước: Loại dài ≥ 4,5 cm - Hạn chế bám dính, tương thích các pipet phổ biến - Tiêu chuẩn ISO 9001 Hộp ≥ 96 cái	Hộp	150	
193	Đầu tip có lọc, chống bám dính, thể tích 100µl	Đầu côn lọc tiết trùng, khớp với pipet có dài thể tích từ 10-100 µL - Đã tiết trùng, không chứa Dnase, Rnase, pyrogen và các chất ức chế PCR - Vật liệu: polyethylen, có bộ lọc kỵ nước chống lây nhiễm chéo - Kích thước: Loại dài ≥5,9 cm - Hạn chế bám dính, tương thích các pipet phổ biến - Tiêu chuẩn ISO 9001 Hộp ≥ 96 cái	Hộp	150	
194	Đầu tip có lọc, chống bám dính, thể tích 200µl	Đầu côn lọc tiết trùng, khớp với pipet có dài thể tích từ 10-200 µL - Đã tiết trùng, không chứa Dnase, Rnase, pyrogen và các chất ức chế PCR - Vật liệu: polyethylen, có bộ lọc kỵ nước chống lây nhiễm chéo - Kích thước: Loại dài ≥5,9 cm - Hạn chế bám dính, tương thích các pipet phổ biến - Tiêu chuẩn ISO 9001 Hộp ≥ 96 cái	Hộp	150	
195	Đầu tip có lọc, chống bám dính, thể tích 1000µl	Đầu côn lọc tiết trùng, khớp với pipet có dài thể tích từ 100-1250 µL - Đã tiết trùng, không chứa Dnase, Rnase, pyrogen và các chất ức chế PCR - Vật liệu: polyethylen, có bộ lọc kỵ nước chống lây nhiễm chéo - Kích thước: Loại dài ≥10,1 cm - Hạn chế bám dính, tương thích các pipet phổ biến - Tiêu chuẩn ISO 9001 Hộp ≥ 96 cái	Hộp	120	
196	Muối pha formol	Dạng bột tinh thể màu trắng, không màu Thành phần: có muối Na ₂ HPO ₄ Gói/túi ≥250g	Gói/túi	15	
Tổng cộng: 196 khoản./.					

Phụ lục H
BIỂU MẪU THAM DỰ BẢO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày: 11/5/2026 của Bệnh viện Quận y 103)

STT	STT theo thư mời báo giá	Tên hàng hóa theo thư mời báo giá	Tên thương mại	Ký mã hiệu	Mô tả thông số kỹ thuật	Hãng SX	Nguồn SX	Quy cách	BDK, GRNK	TCCL (nếu có)	DVT	Số lượng ước giá (có VAT)	Thành tích (5-3-4)	Mã TBT	Số QĐTT	Ngày QĐ	Cơ sở y tế	Đơn vị tính: đồng
1		(1)	(2)						(3)	(4)	(5)	(6)	(7-3-4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2																		
...																		

Tổng cộng: khoản/.

Từ cột (1) đến cột (10), điền các thông tin liên quan đến gói thầu sơ lượng làm căn cứ báo giá (nếu có). Cụ thể như sau:

(1)(2): Ghi "Tên thương mại" và "Ký mã hiệu" của sản phẩm vào 02 cột riêng biệt, không ghi chung

(6): Mã thông báo mời thầu của gói thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia. Ví dụ: IB2500xxxxx

(7): Số văn bản quyết định trúng thầu của một hãng tham dự. Ví dụ: 3615/QĐ-BYQY103

(8): Ngày ban hành văn bản quyết định trúng thầu. Ghi theo định dạng dd/mm/yyyy. Ví dụ: 24/07/2025

(9): Cơ sở y tế ban hành văn bản quyết định trúng thầu. Ghi rõ tên cơ sở, không viết tắt. Ví dụ: Bệnh viện Quận y 103

(10): Hiệu lực của gói thầu. Ghi theo đúng trong văn bản Quyết định trúng thầu, không phải trong hợp đồng. Ví dụ: 12 tháng, 365 ngày

Bản mềm gửi vào địa chỉ: khoaduochvy103@gmail.com